TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST Ngày 27-6-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Cường

Ông Phạm Văn Dung

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị H; nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lưu Văn H; nơi cư trú: Xóm B, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lưu Văn H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 10 năm 2003. Sau khi kết hôn chị và anh H về chung sống ở xóm B, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn H.

Về con chung: Chị và anh Lưu Văn H có 02 con chung là cháu Lưu Thị H, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2004 và Lưu Việt A, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2011. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu được nuôi con chung Lưu Việt A và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tố tụng, chị thay đổi quan điểm về việc nuôi con và cấp dưỡng, cụ thể: Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Lưu Việt A cho anh Lưu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng vì từ khi sống ly thân con chung do H nuôi dưỡng, con chung ở với anh H sẽ thuận tiện trong sinh hoạt và đi học vì chỗ ở và trường học của con gần nhau; hiện tại chị làm công nhân ở tỉnh B Ninh thu nhập từ 8.000.000đồng đến 10.000.000đồng/tháng nên chị sẽ cấp dưỡng để anh H nuôi con Lưu Việt A với số tiền là 2.500.000 đồng/01 tháng. Con chung Lưu Thị H đã trưởng thành nên chị để con tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Đoàn Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Lưu Văn H. Về con chung: Giao con chung Lưu Việt A, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2011 cho anh Lưu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hồng về việc cấp dưỡng cho anh H nuôi con với số tiền là 2.500.000 đồng/01 tháng. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đoàn Thị H khởi kiện ly hôn với anh Lưu Văn H, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lưu

Văn H hiện đang cư trú tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Đoàn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lưu Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Đoàn Thị H và bị đơn anh Lưu Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Đoàn Thị H và anh Lưu Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 10 năm 2003, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Hồng và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị H có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Đoàn Thị H và anh Lưu Văn H có hai con chung là Lưu Thị H, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2004 và Lưu Việt A, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2011. Ly hôn, chị Hồng có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Lưu Việt A cho anh H nuôi dưỡng, con chung Lưu Thị H đã trưởng thành nên chị để con tự quyết định cuộc sống của mình. Anh H không có quan điểm về con chung. Xét, con chung Lưu Việt A hiện chưa đủ 18 tuổi nên việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh H không có quan điểm về việc nuôi con nhưng thực tế từ khi sống ly thân, con chung Lưu Việt A do anh H trực tiếp nuôi dưỡng; hiện tại chị Hồng làm công nhân ở tỉnh B Ninh không thường xuyên ở nhà để trực tiếp chăm sóc con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con nên chấp nhận yêu cầu của chị Hồng về việc giao con Lưu Việt A cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Lưu Thị H đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị H có quan điểm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H số tiền là 2.500.000 đồng/01 tháng. Xét quan điểm của chị Hồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện của chị Hồng về việc cấp dưỡng cho anh H nuôi con Lưu Việt A với số tiền là 2.500.000đồng/tháng. Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

[6] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lưu Văn H không có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Lưu Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Việt A, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2011 cho anh Lưu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đoàn Thị H về việc cấp dưỡng, chị Đoàn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Lưu Văn H nuôi con Lưu Việt A với số tiền là 2.500.000 đồng/01 tháng.

Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Lưu Việt A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về tài sản chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước. Tổng cộng số tiền án phí chị Hồng phải chịu là 600.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Đoàn Thị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 00004499 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, nay chị Hồng còn phải nộp 300.000đồng án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã A;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên